TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2020.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Toàn.

2. Ông Đỗ Ngọc Cận.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Thu Hồng, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị P; Địa chỉ: Số 42 LK01, đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Sông G;** Địa chỉ: Số 42 LK01, đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**; Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông **Ngô Văn C**; Địa chỉ số 05, đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/6/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G tự nguyện sống chung vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện

L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 09/02/1999. Hôn nhân của bà P, ông G được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung hạnh phúc, đến năm 2004 trong cuộc sống hôn nhân của bà P, ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay bà P, ông G không còn chung sống với nhau như vợ chồng, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Sông G.

Về con chung: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 26/4/2001 và Nguyễn Hoàng Cẩm V, sinh ngày 14/9/2005. Hiện nay cháu T, cháu V đang sống cùng với bà Hoàng Thị P tại địa chỉ 42 LK01, đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G trong thời gian chung sống có tạo lập một căn nhà tọa lạc khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Về nợ chung: Bà P và ông G có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Sông Hậu số tiền 200.000.000đ.

Nay bà Hoàng Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Sông G.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Hoàng Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V, sinh ngày 14/9/2005 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Còn cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 26/4/2001 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 bà Hoàng Thị P yêu cầu được ông Nguyễn Sông G cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V, sinh ngày 14/9/2005 mỗi tháng 3.000.000/tháng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Hoàng Thị P thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho cháu V.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị P, ông Nguyễn Sông G có phần đất và căn nhà tọa lạc tại khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay phần đất và căn nhà trên đất đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Sau khi ly hôn bà P, ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Sông Hậu số tiền 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Đối với phần nợ bà P đề nghị Tòa án xem xét chỉ ông Nguyễn Sông G có trách nhiệm trả khoản nợ trên, vì khi vay vốn ông G có nói chỉ nhờ bà ký Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn và Hợp thế chấp tài sản với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, còn về trả nợ cho Ngân hàng thì ông G sẽ tự trả khoản nợ trên vì số tiền

vay ông G sử dụng riêng, bà P không biết.

Theo nội dung đơn yêu cầu độc lập ngày 10/9/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Bà Hoàng Thị P có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Hợp đồng tín dụng số 257/2015/8060667/HĐTD ngày 12/11/2015 để vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất là 9.5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay là sửa nhà. Thời hạn vay là 180 tháng, nợ gốc và nợ lãi trả kỳ hạn theo Hợp đồng tín dung. Trong quá trình vay thì bà P trả gốc được 4.448.000 đồng và trả lãi đến ngày 12/3/2016 số tiền 6.333.291 đồng. Để đảm bảo nợ vay bà Hoàng Thị P và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 280/2015/8060667/HĐBĐ ngày 12/11/2015 tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất có diện tích là 107,5m^2 , thửa đất số 272, tờ bản đồ số 16, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 640021 (Số vào sổ CH 00127) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 28/4/2010 cho bà Nguyễn Thị P đến ngày 04/11/2015 tặng cho toàn bộ diện tích cho bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Sông G và bà Hoàng Thị P mỗi người phải có trách nhiệm trả 50% trên số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 26/5/20120 là 280.333.484đ (Trong đó gốc là 195.552.000 đồng; lãi trong hạn là 79.315.348 đồng; Lãi quá hạn là 5.466.136 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 27/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp ông Nguyễn Sông G và bà Hoàng Thị P không trả được nợ trước khi phân chia tài sản này thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo đúng quy định pháp luật.

Tại Biên bản ghi ý kiến, lập ngày 27/8/2019 cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V trình bày: Sau khi ông Nguyễn Sông G, bà Hoàng Thị P ly hôn cháu V có nguyện vọng được sống với Hoàng Thị Phương vì từ khi ông G, bà P sống ly thân thì cháu sống với bà P tại địa chỉ khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, hằng ngày bà P chăm sóc cháu, đưa đón cháu đi học, còn cha thì không quan tâm đến cháu.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Sông G, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu,

việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung. Còn đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện buộc bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G có trách nhiệm cùng trả khoản nợ trên (ông Nguyễn Sông G trả 50% vốn và lãi, bà P trả 50% vốn và lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng**:** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Sông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cho bị đơn nhưng bị đơn không có kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra tài liệu, chứng cứ và không tham gia phiên họp nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Thị P khởi kiện ông Nguyễn Sông G về tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Nguyễn Sông G có nơi cư trú tại số 42 LK01, đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, do đó việc ông, bà tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/1999 là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo bà P trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm sóc cho vợ con, từ đó dân đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì bà P và ông G đã nhiều lần hàn gắn tình cảm để vợ chồng về chung sống và

nuôi dạy các con nhưng đều không được. Bà P và ông G đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, tại phiên Tòa hôm nay bà P vẫn cương quyết xin ly hôn với ông G. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà P, ông G đã đến mức trầm trọng, hiện nay ông, bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, ông bà không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Sông G.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 26/4/2001 và Nguyễn Hoàng Cẩm V, sinh ngày 14/9/2005, hiện nay các con chung đang sống với bà Hoàng Thị P tại địa chỉ số 42 LK01, đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi bà P và ông G sống ly thân thì các cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 26/4/2001 và Nguyễn Hoàng Cẩm V đều do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hằng ngày bà P đều đưa đón cháu đi học. Đồng thời tại tờ tường trình lập ngày 27/8/2019 cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V trình bày sau khi cha mẹ ly hôn cháu V có nguyện vọng được sống với bà P. Từ đó thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu V nên việc giao cháu V cho bà Hoàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử tiếp tục giao Nguyễn Hoàng Cẩm V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay bà P xin thay đổi, không yêu cầu ông G cấp dưỡng đối với cho cháu V. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết bà bà P trình bày có một căn nhà số 42 LK01, đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, ông G, bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về nợ chung: Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa hôm nay bà P thừa nhận là có ký hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để vay số tiền 200.000.000 đồng đều này các bên đều thừa nhận căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tình tiết này là sự thật không phải chứng minh. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P cho rằng khoản tiền vay này do ông G nhờ bà ký Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn và Hợp thế chấp tài sản với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chứ bà không sử dụng dụng. Bà P cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông G nên ông G có trách nhiệm tự trả không liên quan đến bà.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng theo Hợp đồng tín dụng của các bên

được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của bà P và ông G và mục đích vay là dùng để sửa chữa nhà ở, việc bà ký các hợp đồng trên là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án bà P cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là ông G sử dụng phần tiền vay 200.000.000 đồng vào mục đích riêng của cá nhân ông G. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là phần nợ chung của bà P và ông G nên ông bà phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 26/5/20120 là 280.333.484 đồng (Trong đó gốc là 195.552.000 đồng; lãi trong hạn là 79.315.348 đồng; lãi quá hạn là 5.466.136 đồng) tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 27/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng. Cụ thể bà P có trách nhiệm trả 50% nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với số tiền gốc là 97.776.000 đồng và tiền lãi 42.390.742 đồng, ông Nguyễn Sông G có trách nhiệm trả 50% nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với số tiền gốc là 97.776.000 đồng và tiền lãi 42.390.742 đồng. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản 280/2015/8060667/HĐBĐ ngày 12/11/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và bà Hoàng Thị P, ông Nguyễn Sông G được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được công chứng chứng thực của cấp có thẩm quyền, cho nên trong trường hợp bà P, ông G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc hoàn trả vốn gốc và lãi thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản đã thế chấp trên để thu hồi nợ.

[8]. Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc buộc bà P và ông G mỗi người phải có trách nhiệm trả 50% trên số tiền nợ gốc và lãi và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 27/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng như đã phân tích trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị P phải chịu 475.000 đồng, ông Nguyễn Sông G phải chịu 475.000 đồng.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị P phải chịu án phí ly hôn và án phí nợ chung theo quy định pháp luật, ông Nguyễn Sông G phải chịu án phí nợ chung theo quy định pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Sông G.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V, sinh ngày 14/9/2005 cho bà Hoàng Thị P tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Sông G không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T hiện nay đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Nguyễn Sông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Cẩm V mà không ai được cản trở.

4/. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị P trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về nợ chung buộc bà Hoàng Thị P có trách nhiệm trả 50% số tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với số tiền gốc là 97.776.000 đồng và lãi 42.390.742 đồng, buộc ông Nguyễn Sông G có trách nhiệm trả 50% số tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là 97.776.000 đồng và lãi 42.390.742 đồng. (Trong đó gốc là 195.552.000 đồng; lãi trong hạn là 79.315.348 đồng; lãi quá hạn là 5.466.136 đồng).

Kể từ ngày 27/5/2020 bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 280/2015/8060667/HĐBĐ ngày 12/11/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và bà Hoàng Thị P, ông Nguyễn Sông G là: Quyền sử dụng đất có diện tích là 107,5m^2, thửa đất số 272, tờ bản đồ số 16, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 640021 (Số vào sổ CH 00127) do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 28/4/2010 cho bà Nguyễn Thị P đến ngày 04/11/2015 tặng cho toàn bộ diện tích cho

bà Hoàng Thị P và ông Nguyễn Sông G có công chứng tại văn phòng công chứng Ba Xuyên vào ngày 12/11/2015 để thu hồi nợ.

6/. Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí nợ chung là 7.008.337 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0007557 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Bà P còn phải nộp thêm tiền án phí là 7.008.337 đồng. Ông Nguyễn Sông G phải nộp án phí 7.008.337 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.610.466 đồng theo biên lai thu số 0009416 ngày 11/9/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Hoàng Thị P phải chịu 475.000 đồng, ông Nguyễn Sông G phải chịu 475.000 đồng. Do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã nộp tạm ứng trước số tiền là 950.000 đồng theo phiếu thu số T 126 ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S nên bà P, ông G phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. S;
- THADS TP. S;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định